

Market Today: Thanh khoản của thị trường sẽ tiếp tục tăng

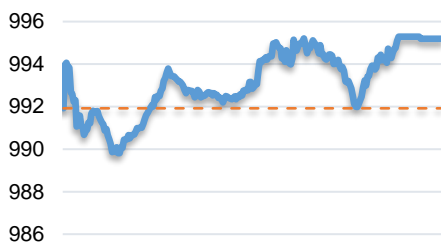
28/08/2018

Diễn biến thị trường trong phiên

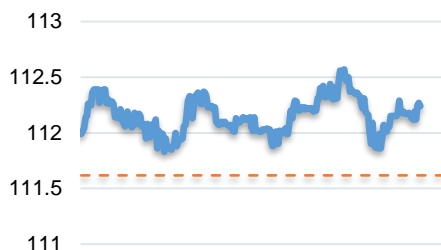
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	995.19	112.24	51.28
% ngày	0.33	0.56	(0.52)
% tuần	1.63	2.01	(0.22)
% tháng	6.38	6.18	2.60
% năm	28.04	8.02	(5.56)
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	3,889.78	691.83	205.20
Hôm qua	3,651.79	766.86	146.96
TB 1 tháng	3,617.82	578.83	232.44
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	755.57	14.51	23.65
Bán	440.61	15.90	10.68
Giá trị ròng	314.96	(1.39)	12.97
Độ rộng TT			
Mã Tăng	142	85	73
Mã Giảm	131	74	67
Không Đổi	80	225	594
Chỉ số chính			
P/E	17.9x	10.5x	9.8x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,168	200	853
LS Cổ tức	1.95	2.44	4.00

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch phiên ngày 28/08/2018, thị trường trong và ngoài nước đều có những chuyển biến rất tích cực khi đa số các thị trường chứng khoán đều tăng. Chỉ số VN-Index tăng 0.33% đóng cửa ở mức 995 điểm, chỉ số HNX-Index tăng thêm 0.56% dừng lại ở mức 112.2 điểm và chỉ số Upcom-Index đóng cửa mức là 51.3 điểm và giảm nhẹ 0.52%.

Điểm nhấn tích cực nhất trong phiên là khối ngoại mua ròng gần 330 tỷ đồng với khối lượng mua/bán ròng lớn tập trung chủ yếu trên sàn HSX ở các mã như:

Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
HPG	140,961	VNM	(28,252)
SSI	61,544	NVL	(17,660)
VCB	50,118	VRE	(16,996)
VJC	41,745	GEX	(8,009)
E1VFN30	31,956	DHG	(7,859)

Với lực đẩy đến từ khối ngoại, VCB, VJC và HPG là 3 trong 5 mã đóng góp nhiều nhất cho chỉ số. Cổ phiếu dòng chứng khoán là nhóm tăng tốt nhất hôm nay khi SSI, HCM, VND, VCI... đều đóng cửa xanh. Nhóm cổ phiếu bất động sản, hay dầu khí cũng tăng giá vào cuối phiên. Trên sàn HNX, các ông lớn như ACB, SHB, VCS, PVS, TV2 đồng loạt tăng giá trong phiên chiều giúp cho chỉ số HNX-Index tiếp tục tăng mạnh. Ở chiều ngược lại, VHM, VNM, BID là những cổ phiếu vốn hóa lớn khiến cho chỉ số mất điểm nhiều nhất.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ duy trì đà tăng trong phiên giao dịch kế tiếp và chỉ số VN-Index có thể sẽ sớm kiểm định mức 1000 điểm. Đồng thời, thị trường đang có dấu hiệu bước vào giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực cả về điểm số và khối lượng giao dịch cho nên mức thanh khoản có thể sẽ tăng dần. Ngoài ra, rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp và tỷ trọng cổ phiếu vẫn ở mức cao cho thấy cơ hội giải ngân mới vẫn tăng dần.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và nâng mức cắt lỗ của hệ thống ở mức 970.60 điểm của chỉ số VN-Index và 108.50 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và ưu tiên nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao ở nhóm cổ phiếu Largecaps và Midcaps.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 61% cổ phiếu/39% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16.90	TĂNG	GIẢM	17.15	16.31	-1.46%			19.63		
ACB	38.90	TĂNG	GIẢM	35.60	36.86	9.27%			41.80		
ACV	84.90	GIẢM	GIẢM		88.21				95.72		
BFC	26.80	TĂNG	GIẢM	27.00	25.28	-0.74%			28.97		
BHN	83.80	GIẢM	GIẢM		86.79				107.32		
BID	33.70	TĂNG	TĂNG	25.80	31.19	30.62%		33.40	31.14	0.90%	MUA
BMP	54.00	GIẢM	GIẢM		55.43				62.64		
BSR	16.80	GIẢM	GIẢM		18.13				19.99		
BVH	90.90	TĂNG	GIẢM	78.00	83.77	16.54%			91.06		
BWE	18.60	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	5.08%			19.20		
CEO	13.90	TĂNG	GIẢM	13.40	12.73	3.73%			15.95		
CHP	22.80	GIẢM	TĂNG		23.45			23.50	22.03	-2.98%	
CSM	14.40	TĂNG	TĂNG	14.25	13.65	1.05%		14.39	12.77	0.07%	
CTD	164.90	TĂNG	TĂNG	149.50	154.12	10.30%		161.20	128.54	2.30%	
CTG	27.25	TĂNG	GIẢM	24.00	24.96	13.54%			28.07		
CTI	31.40	TĂNG	GIẢM	30.50	29.10	2.95%			33.12		
CVT	26.50	TĂNG	GIẢM	25.85	24.92	2.51%			29.58		
DCM	10.20	TĂNG	GIẢM	11.05	10.00	-7.69%			10.69		
DGW	26.40	TĂNG	GIẢM	23.90	24.11	10.46%			26.51		
DHA	26.50	GIẢM	GIẢM		27.83				28.49		
DHC	37.20	GIẢM	GIẢM		40.34				43.99		
DHG	92.70	GIẢM	GIẢM		99.51			114.49	95.93	-16.21%	
DPG	49.30	TĂNG	GIẢM	40.90	44.34	20.54%			50.13		
DPM	17.50	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	-1.13%			18.72		
DPR	36.80	TĂNG	GIẢM	37.50	36.08	-1.87%			39.04		
DQC	30.00	TĂNG	GIẢM	29.55	27.43	1.52%			31.92		
DRC	26.70	TĂNG	TĂNG	25.85	25.39	3.29%		24.30	19.87	9.88%	
DXG	27.65	TĂNG	GIẢM	23.75	26.29	16.42%			29.38		
ELC	8.85	GIẢM	GIẢM		9.18				10.91		
FCN	16.75	TĂNG	TĂNG	16.25	15.96	3.08%		17.70	13.88	-5.37%	
FIT	4.09	GIẢM	GIẢM		4.28				5.18		
FMC	23.55	TĂNG	GIẢM	21.20	22.29	11.08%			23.95		
FPT	44.20	TĂNG	GIẢM	42.90	42.92	3.03%			45.46		
GAS	102.20	TĂNG	GIẢM	101.50	94.22	0.69%			103.15		
GEX	29.25	TĂNG	TĂNG	30.60	28.65	-4.41%		30.10	24.67	-2.82%	
GIL	49.30	TĂNG	TĂNG	41.65	46.19	18.37%		34.90	41.22	41.26%	
GMD	26.80	TĂNG	GIẢM	25.40	25.54	5.51%			28.65		
GTN	11.35	GIẢM	TĂNG		11.71			11.20	9.83	1.34%	

We Create Fortune

HAG	6.90	GIẢM	TĂNG		7.56			6.19	5.86	11.47%	
HAX	15.70	GIẢM	GIẢM		16.04				18.67		
HBC	22.60	TĂNG	GIẢM	22.95	21.67	-1.53%			27.24		
HDB	36.05	GIẢM	GIẢM		37.30				42.35		
HNG	15.90	GIẢM	TĂNG		16.26			8.20	14.10	93.90%	
HPG	39.90	TĂNG	GIẢM	37.20	37.19	7.26%			42.50		
HSG	10.75	GIẢM	GIẢM		11.17				13.38		
HT1	13.10	TĂNG	TĂNG	11.75	12.17	11.49%			12.91		
HUT	5.40	GIẢM	GIẢM		5.48				6.72		
HVN	38.90	TĂNG	TĂNG	33.00	37.12	17.88%		39.20	30.48	-0.77%	
ITD	11.80	GIẢM	TĂNG		12.09			12.40	11.14	-4.84%	
KBC	12.40	TĂNG	GIẢM	12.10	11.96	2.48%			13.24		
KDH	31.00	TĂNG	GIẢM	30.30	28.97	2.31%			33.03		
KSB	29.45	GIẢM	GIẢM		30.13				33.01		
LCG	9.10	TĂNG	GIẢM	9.46	8.86	-3.81%			10.06		
LDG	14.40	TĂNG	GIẢM	15.00	13.56	-4.00%			15.06		
LIX	40.55	GIẢM	GIẢM		41.35				44.18		
LPB	9.30	GIẢM	GIẢM		10.00				11.99		
LSS	6.60	GIẢM	GIẢM		6.85				7.75		
MSN	91.40	TĂNG	TĂNG	79.10	87.48	15.55%		90.60	90.22	0.88%	MUA
MWG	123.00	TĂNG	TĂNG	112.00	117.05	9.82%		121.00	104.78	1.65%	
NKG	13.40	GIẢM	GIẢM		14.16				17.00		
NLG	31.70	TĂNG	GIẢM	29.80	28.97	6.38%			31.83		
NT2	26.80	GIẢM	GIẢM		27.01				28.69		
NTL	9.85	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-4.83%		10.45	8.94	-5.74%	
NTP	46.40	TĂNG	GIẢM	46.40	45.55	0.00%	MUA		51.18		
PAC	40.00	TĂNG	GIẢM	40.20	38.31	-0.50%			42.18		
PC1	25.10	GIẢM	GIẢM		26.85				29.68		
PDR	26.40	TĂNG	GIẢM	26.60	25.05	-0.75%			29.12		
PGC	14.10	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-1.74%			15.68		
PHR	25.70	TĂNG	TĂNG	21.90	24.46	17.35%		24.00	20.43	7.08%	
PLX	69.00	TĂNG	TĂNG	60.50	64.60	14.05%		68.00	67.88	1.47%	MUA
PNJ	103.00	TĂNG	TĂNG	90.30	97.82	14.06%		103.90	102.31	-0.87%	MUA
POW	13.30	TĂNG	GIẢM	13.00	12.91	2.31%			13.91		
PPC	18.40	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	-0.54%			19.21		
PTB	61.00	TĂNG	TĂNG	60.00	56.99	1.67%		64.00	53.16	-4.69%	
PVD	15.50	GIẢM	TĂNG		15.67			16.35	11.75	-5.20%	
PVI	29.50	TĂNG	GIẢM	29.90	28.37	-1.34%			33.71		
PVS	20.80	TĂNG	TĂNG	17.00	19.08	22.35%		20.90	14.67	-0.48%	
PXS	6.00	GIẢM	TĂNG		6.15			6.19	4.57	-3.07%	
RAL	91.50	TĂNG	GIẢM	91.00	86.24	0.55%			102.96		
REE	36.00	TĂNG	TĂNG	36.40	34.76	-1.10%		36.40	34.97	-1.10%	MUA
SAB	222.00	TĂNG	GIẢM	208.00	208.85	6.73%			233.02		



We Create Fortune

SAM	7.13	TĂNG	GIẢM	7.16	6.77	-0.42%		7.59		
SBV	26.00	GIẢM	GIẢM		27.31			29.26		
SCR	9.36	TĂNG	GIẢM	9.35	9.05	0.11%		10.30		
SHI	6.15	GIẢM	TĂNG		6.31		6.99	5.88	-12.02%	
SJS	20.00	TĂNG	GIẢM	19.70	19.17	1.52%		21.87		
SKG	22.70	TĂNG	TĂNG	20.05	21.94	13.22%	23.10	21.27	-1.73%	MUA
SSI	31.70	TĂNG	GIẢM	29.55	29.12	7.28%		34.19		
STB	11.50	TĂNG	GIẢM	11.20	11.04	2.68%		12.71		
SVC	46.00	GIẢM	GIẢM		46.14			49.74		
TCB	26.25	TĂNG	TĂNG	28.50	25.99	-7.89%	18.40	4.60	42.66%	
TCM	21.65	TĂNG	TĂNG	17.80	20.69	21.63%	21.60	20.79	0.23%	MUA
TDH	11.70	TĂNG	GIẢM	11.70	11.68	0.00%	MUA	13.15		
TLH	7.49	TĂNG	GIẢM	7.49	7.47	0.00%	MUA	8.32		
TMT	6.64	GIẢM	GIẢM		7.45			7.28		
TNG	11.50	TĂNG	GIẢM	10.80	11.09	6.48%		11.90		
TYA	10.50	GIẢM	GIẢM		11.04			12.27		
VCB	64.00	TĂNG	GIẢM	57.50	59.69	11.30%		64.41		
VFG	37.00	GIẢM	TĂNG		38.63		34.39	33.47	7.58%	
VGC	18.00	TĂNG	GIẢM	17.90	16.55	0.56%		21.50		
VHM	111.00	TĂNG	N/A	111.90	107.63	-0.80%				
VIB	27.60	TĂNG	GIẢM	27.60	27.37	0.00%		30.67		
VIC	104.20	GIẢM	TĂNG		107.45		111.50	92.44	-6.55%	
VIP	6.85	GIẢM	GIẢM		6.88			7.29		
VJC	155.20	TĂNG	TĂNG	144.50	145.92	7.40%		154.12		
VNM	159.30	TĂNG	GIẢM	163.00	157.69	-2.27%		175.10		
VPB	25.45	GIẢM	GIẢM		26.84			33.19		
VRC	22.80	TĂNG	TĂNG	17.75	21.59	28.45%	19.35	17.99	17.83%	
VRE	40.05	GIẢM	GIẢM		41.47			44.98		
VSC	40.00	TĂNG	TĂNG	35.50	38.03	12.68%	35.30	34.14	13.31%	
VSH	17.15	GIẢM	TĂNG		17.65		17.40	16.64	-1.44%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TP HCM (HSX)		
	Điểm	Chg%
VNI	995.19	0.33
VN30	971.01	0.46
VN Mid	1,022.29	0.45
VN Small	814.85	(0.49)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	755.57	
Bán	440.61	
GT ròng	314.96	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TTF	210	6.7%
OGC	130	5.5%
HDG	1,700	5.4%
THI	2,000	5.0%
NLG	1,400	4.6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SJF	(1,900)	-6.9%
DRH	(1,000)	-6.8%
CSV	(1,350)	-3.6%
CEE	(600)	-3.2%
DRC	(800)	-2.9%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	332,567	
VHM	297,437	
VNM	231,176	
VCB	230,257	
GAS	195,606	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
HPG	11.01	5.58
FLC	10.49	16.29
SSI	7.12	3.68
HAG	6.57	12.47
CTG	6.28	6.12

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)		
	Điểm	Chg%
HNI	112.24	0.56
HN30	202.63	1.00
VNX AllSh	1,393.05	0.43

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	14.51	
Bán	15.90	
GT ròng	(1.39)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TV2	5,600	5.1%
SLS	2,500	3.9%
MBS	400	2.5%
SHB	200	2.4%
NDN	300	2.2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VIX	(300)	-3.9%
VC3	(100)	-0.5%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	42,187	
VCS	14,256	
SHB	10,467	
PVS	9,291	
VCG	8,216	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	12.94	8.29
ACB	5.16	10.45
PVS	4.21	9.97
VCG	2.41	1.78
VGC	2.12	2.46

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%
UPCoM	51.28	(0.52)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	23.65	
Bán	10.68	
GT ròng	12.97	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NTC	1,400	2.3%
GEG	100	0.7%
QNS	100	0.3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SSN	(1,700)	-10.2%
VIB	(600)	-2.1%
OIL	(300)	-2.1%
SDI	(1,200)	-2.0%
DVN	(300)	-1.9%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	184,838	
MCH	52,454	
BSR	52,088	
HVN	48,612	
GVR	32,000	

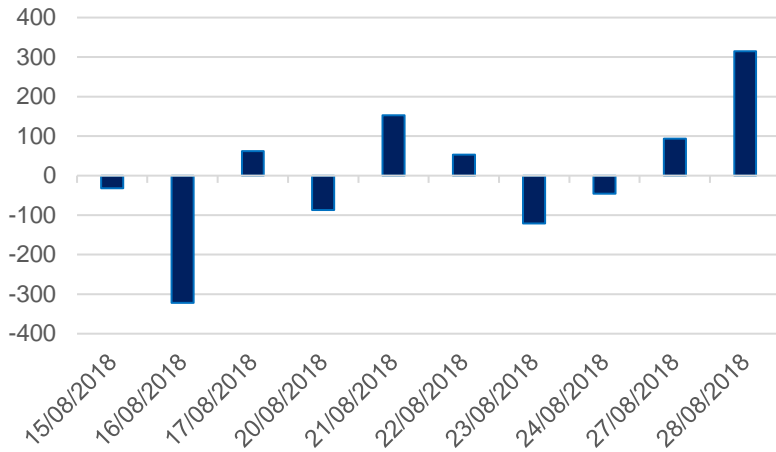
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SVH	7.98	0.27
POW	1.53	1.23
LPB	1.16	2.27
ART	1.01	1.70
DLD	0.90	0.03

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

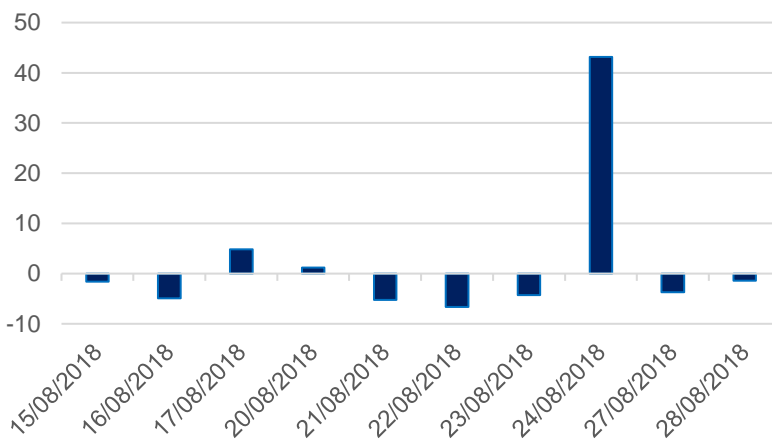
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
HPG	140,961	VNM	(28,252)
SSI	61,544	NVL	(17,660)
VCB	50,118	VRE	(16,996)
VJC	41,745	GEX	(8,009)
E1VFN30	31,956	DHG	(7,859)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

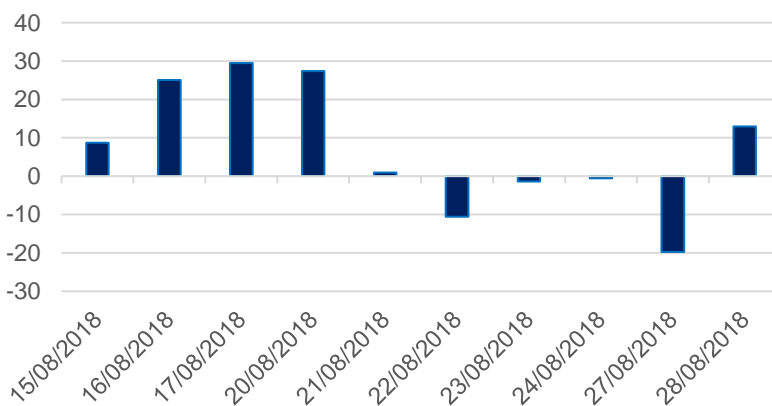
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
PVS	4,994	SHS	(4,576)
CEO	2,535	VGC	(1,809)
TV2	1,768	NDN	(933)
PMC	128	PCG	(299)
PVC	115	VCS	(212)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VEA	20,585	POW	(5,125)
QNS	1,195	OIL	(2,142)
DHD	115	HVN	(944)
SKH	110	BSR	(824)
TGP	71	IDC	(271)

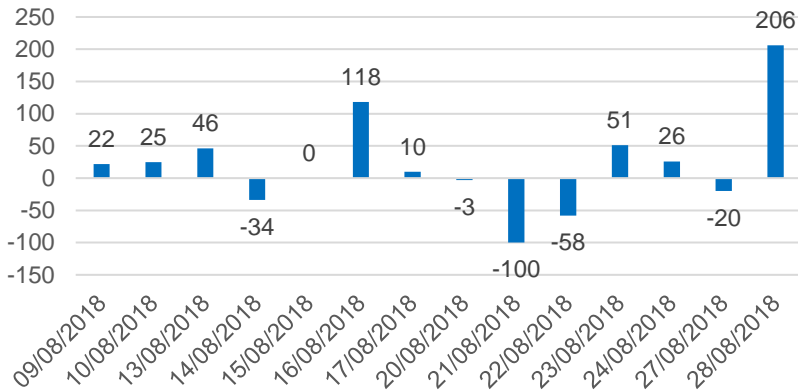
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

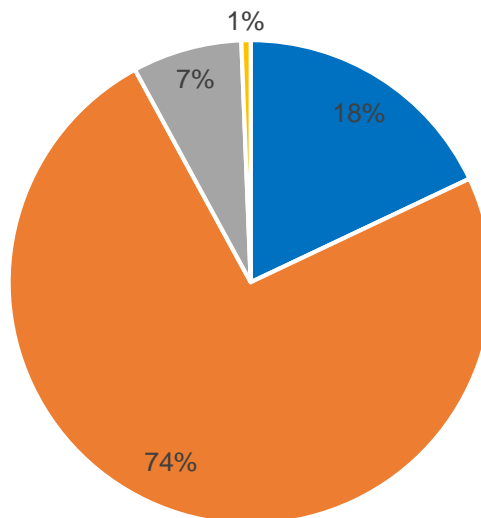


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
VNE	26,200	E1VFN30	32,426
VIC	11,824	MWG	8,718
HPG	9,084	HPG	6,370
VJC	8,769	VIC	4,873
VPB	8,641	VPB	4,322

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



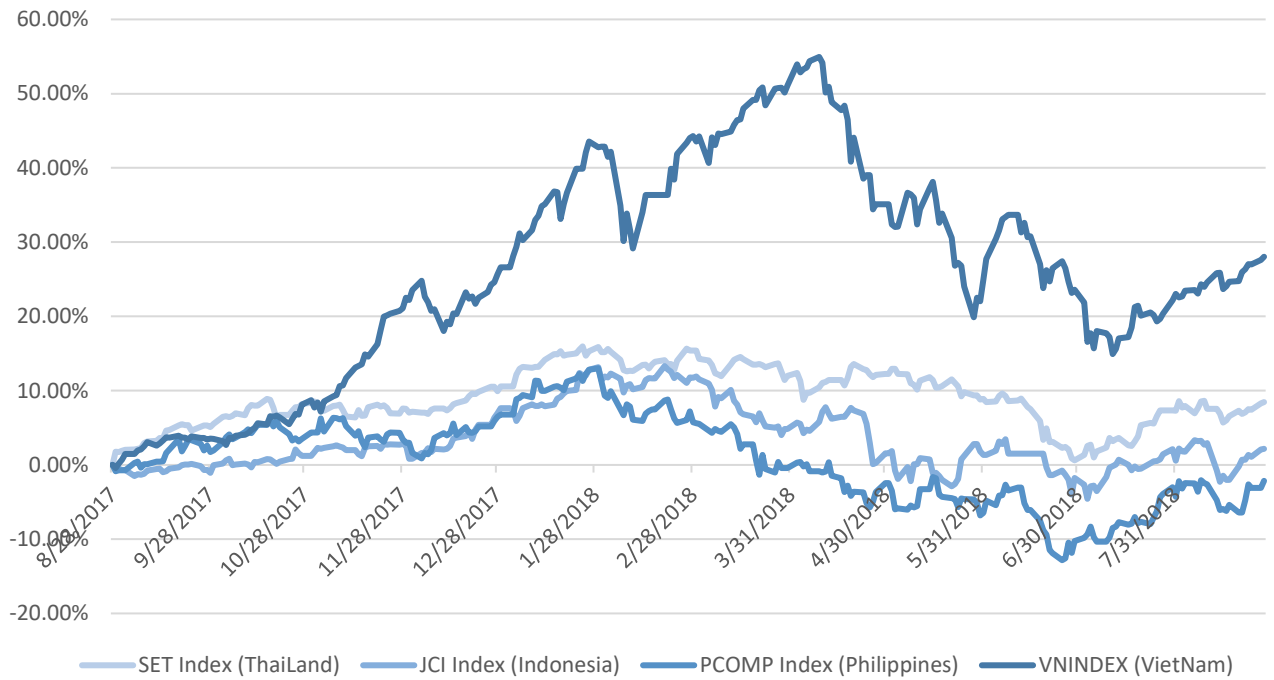
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

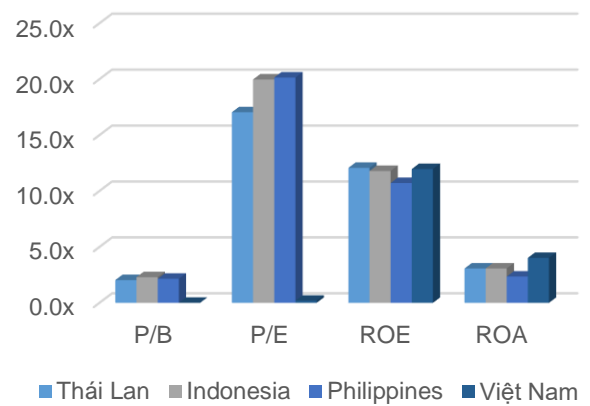
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.3x	2.2x	0.0x
P/E		17.0x	20.0x	20.1x	0.2x
ROE	%	12.07	11.79	10.72	11.97
ROA	%	3.08	3.08	2.36	4.02
Vốn hóa	Tỷ USD	531.41	466.48	182.25	136.00
GTGD	Triệu USD	1.34	0.44	0.09	0.17
LS cổ tức	%	3.05	2.26	1.50	1.95

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written